ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Mỹ thuật — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**26**	**304**	**86**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
13	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
14	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
15	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**29**	**272**	**193**		
16	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
17	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
18	32431036	Giải phẫu tạo hình	3	15	30		
19	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
20	32434215	Định luật xa gần	3	15	30		
21	32428015	Nguyên lý thị giác	2	30	0		
22	32438021	Nguyên cứu Mĩ thuật cổ	3	15	60		
23	32438022	Lịch sử Mĩ thuật Việt Nam	3	45	0		
24	32438023	Lịch sử Mĩ thuật Thế giới	3	45	0		
		Học phần tự chọn	**4**	**30**	**30**		
25	32421064	*Tiếng anh chuyên ngành*	2	15	15		
26	31722001	*Mỹ học đại cương*	2	15	15		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**69**	**195**	**1575**		
27	32428016	Hình họa 4	2	0	60	32428025	
28	32428258	Phân tích tác phẩm Mĩ thuật	2	15	15		
29	32424320	Thủ công	2	15	30		
30	32428034	Ký họa thực tế	2	0	60		
31	32438033	Thiết kế Mĩ thuật ứng dụng 1	3	15	60		
32	32428029	Đồ họa tạo hình 1	2	15	30		
33	32428028	Hội họa 1	2	0	60		
34	32428027	Cơ sở tạo hình 3	2	0	60	32428026	
35	32428026	Cơ sở tạo hình 2	2	0	60	32424217	
36	32428025	Hình họa 3	2	0	60	32428024	
37	32428024	Hình họa 2	2	0	60	32424216	
38	32428017	Cơ sở tạo hình 4	2	0	60	32428027	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
39	32421041	Mỹ học tạo hình	2	30	0		
40	32424217	Cơ sở tạo hình 1	2	0	60		
41	32424216	Hình họa 1	2	0	60		
42	32421059	Thực tế chuyên môn	2	0	60		
43	32421057	Điêu khắc	2	0	60		
44	32421055	Kiến trúc	2	15	30		
45	32431054	Đồ hoạ tạo hình 2	3	15	60	32428029	
46	32431052	Hội hoạ 2	3	0	90	32428028	
47	32431050	Thiết kế Mĩ thuật ứng dụng 2	3	15	60	32438033	
		Học phần tự chọn	**23**	**60**	**480**		
48	32431076	*Nhiếp ảnh*	3	15	30		
49	32461074	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
50	32431063	*Mĩ thuật cộng đồng*	3	15	30		
51	32431061	*Mĩ thuật đa phương tiện*	3	15	30		
52	32428030	*Nghệ thuật sắp đặt*	2	15	30		
53	32468031	*Đồ án (tác phẩm) tốt nghiệp*	6	0	180		
Khối kiến thức: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			**28**	**163**	**347**		
54	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	13	17		
55	32431065	Lý luận và phương pháp dạy học Mĩ thuật	3	30	15		
56	32421066	Thực hành dạy học Mĩ thuật 1	2	15	15		
57	32431067	Thực hành dạy học Mĩ thuật 2	3	15	30	32421066	
58	32421072	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
59	32441073	Thực tập sư phạm	4	0	120		
60	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	30	15		
61	32438018	Thực hành dạy học Mĩ thuật 3	3	15	30	32431067	
62	32428032	Ứng dụng CNTT trong dạy học bộ môn Mĩ thuật	2	15	15		
		Học phần tự chọn	**4**	**30**	**30**		
63	32421070	*Khởi nghiệp trong sáng tạo nghệ thuật*	2	15	15		
64	32421071	*Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Mĩ thuật*	2	15	15		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**152**	**934**	**2201**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**111**	**679**	**1646**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**19**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Hoài Diễm	Trần Quang Minh Đức	TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Mỹ thuật — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
	32424216	Hình họa 1	2	0	60		
	32424217	Cơ sở tạo hình 1	2	0	60		
	32434215	Định luật xa gần	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**47**	**163**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
	32428024	Hình họa 2	2	0	60	32424216	
	32428026	Cơ sở tạo hình 2	2	0	60	32424217	
		Học phần tự chọn					
	32421064	*Tiếng anh chuyên ngành*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**105**	**180**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	32428025	Hình họa 3	2	0	60	32428024	
	32428027	Cơ sở tạo hình 3	2	0	60	32428026	
	32428034	Ký họa thực tế	2	0	60		
	32431036	Giải phẫu tạo hình	3	15	30		
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
	31722001	*Mỹ học đại cương*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**82**	**248**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	32428016	Hình họa 4	2	0	60	32428025	
	32428017	Cơ sở tạo hình 4	2	0	60	32428027	
	32438021	Nguyên cứu Mĩ thuật cổ	3	15	60		
		Học phần tự chọn					
	32431063	*Mĩ thuật cộng đồng*	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**74**	**226**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
	32421041	Mỹ học tạo hình	2	30	0		
	32428015	Nguyên lý thị giác	2	30	0		
	32438033	Thiết kế Mĩ thuật ứng dụng 1	3	15	60		
		Học phần tự chọn					
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**156**	**84**		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	13	17		
	32428028	Hội họa 1	2	0	60		
	32438022	Lịch sử Mĩ thuật Việt Nam	3	45	0		
		Học phần tự chọn					

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**140**	**85**		
7	32421055	Kiến trúc	2	15	30		
	32428032	Ứng dụng CNTT trong dạy học bộ môn Mĩ thuật	2	15	15		
	32428258	Phân tích tác phẩm Mĩ thuật	2	15	15		
	32431050	Thiết kế Mĩ thuật ứng dụng 2	3	15	60	32438033	
	32438023	Lịch sử Mĩ thuật Thế giới	3	45	0		
		Học phần tự chọn					
	32421071	*Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Mĩ thuật*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**120**	**135**		
8	32421059	Thực tế chuyên môn	2	0	60		
	32421066	Thực hành dạy học Mĩ thuật 1	2	15	15		
	32431052	Hội hoạ 2	3	0	90	32428028	
	32431065	Lý luận và phương pháp dạy học Mĩ thuật	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	32421070	*Khởi nghiệp trong sáng tạo nghệ thuật*	2	15	15		
	32431061	*Mĩ thuật đa phương tiện*	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**75**	**225**		
9	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	30	15		
	32424320	Thủ công	2	15	30		
	32428029	Đồ họa tạo hình 1	2	15	30		
	32431067	Thực hành dạy học Mĩ thuật 2	3	15	30	32421066	
		Học phần tự chọn					
	32431076	*Nhiếp ảnh*	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**90**	**135**		
10	32421057	Điêu khắc	2	0	60		
	32421072	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
	32431054	Đồ hoạ tạo hình 2	3	15	60	32428029	
	32438018	Thực hành dạy học Mĩ thuật 3	3	15	30	32431067	
		Học phần tự chọn					
	32428030	*Nghệ thuật sắp đặt*	2	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**12**	**45**	**240**		
11	32441073	Thực tập sư phạm	4	0	120		
		Học phần tự chọn					
	32461074	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
	32468031	*Đồ án (tác phẩm) tốt nghiệp*	6	0	180		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**0**	**480**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Hoài Diễm	Trần Quang Minh Đức	TS. Phan Đức Tuấn